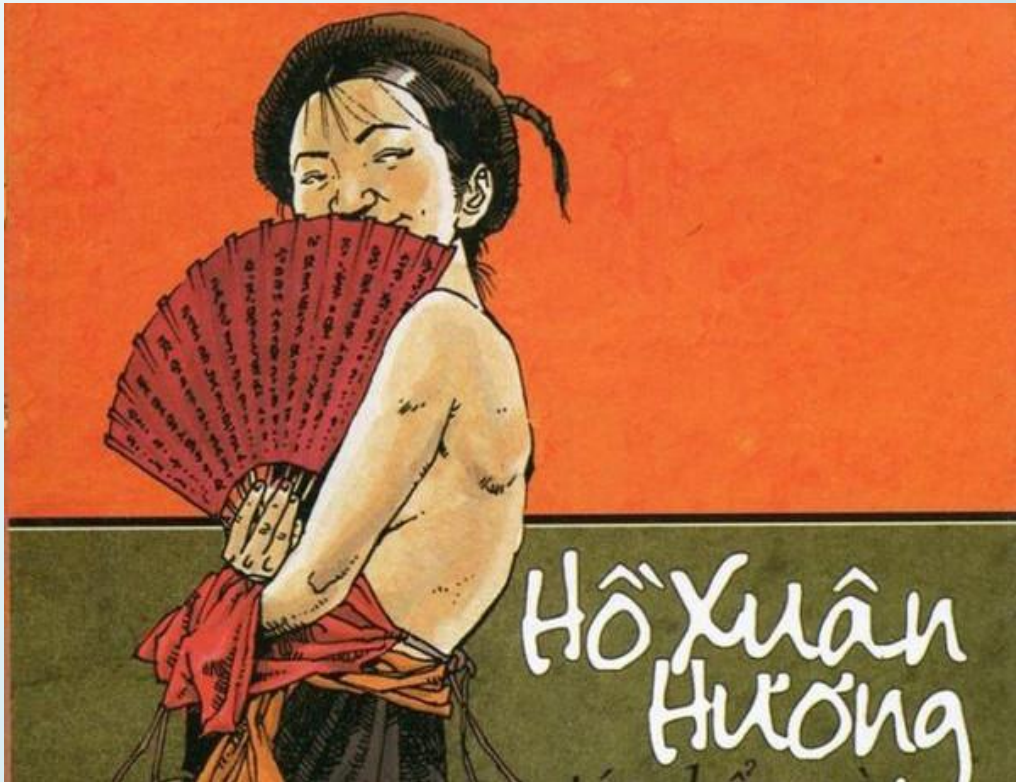




Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 2

Hồ Xuân Hương (1772 - 1822) là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, mà hành trạng hiện vẫn khiến nhiều học giả tranh cãi.

Đây là trang danh sách liệt kê tuyển tập các tác phẩm, tập thơ và những bài thơ hay nhất của nhà thơ Hồ Xuân Hương. Vốn nổi tiếng với những bài thơ “thanh thanh tục tục”, di tác của bà hoàn toàn là thơ, trong đó mảng Nôm có nhiều phẩm chất tốt cần sự khảo cứu lâu, nhưng hậu thế có thi sĩ Xuân Diệu đã mạo muội tôn Hồ Xuân Hương làm Bà chúa thơ Nôm.

Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 2

Trong tập này có tất cả 43 bài thơ của Hồ Xuân Hương.

Tập Lưu Hương Ký

- 1- Thuật Ý Kiêm Trì Hữu Nhân Mai Sơn Phủ (Kể Ý Mình Và Trình Bạn Là Mai Sơn Phủ)
- 2- Thiếu Niên Du Điệu (Bài Từ Theo Điệu Thiếu Niên Du)
- 3- Xuân Đình Lan Điệu (Bài Ca Theo Điệu Xuân Đình Lan)
- 4- Thu Dạ Hữu Hoài (Đêm Thu Cảm Hoài)
- 5- Thu Phong Ca (Bài Hát Gió Thu)
- 6- Nguyệt Dạ Ca Kỳ 1 (Bài Hát Đêm Trăng Kỳ 1)
- 7- Nguyệt Dạ Ca Kỳ 2 (Bài Hát Đêm Trăng Kỳ 2)
- 8- Ngư Ông Khúc Hành (Khúc Hát Về Ngư Ông)
- 9- Cảm Cựu Kiêm Trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu (Nhớ Chuyện Cũ Viết Gửi Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu)
- 10- Hoài Cựu
- 11- Thu Nguyệt Hữu Ưc Mai Sơn Phủ Ký (Đêm Thu, Nhớ Mai Sơn Phủ, Gửi Bài Đây)
- 12- Cảm Cựu Tống Tân Xuân Chi Tác Kỳ 1 (Cảm Năm Cũ, Tiền Xuân Mới Kỳ 1)
- 13- Cảm Cựu Tống Tân Xuân Chi Tác Kỳ 2 (Cảm Năm Cũ, Tiền Xuân Mới Kỳ 2)
- 14- Ngự Ý Tồn Phong Ký Nhị Thủ Kỳ 1 (Ngự Ý Gửi Tồn Phong Thị Hai Bài Kỳ 1)
- 15- Ngự Ý Tồn Phong Ký Nhị Thủ Kỳ 2 (Ngự Ý Gửi Tồn Phong Thị Hai Bài Kỳ 2)
- 16- Họa Nhân
- 17- Tặng Tồn Phong Tử (Tặng Tồn Phong Thị)
- 18- Thạch Đình Tặng
- 19- Ký Sơn Nam Thượng Trấn Hiệp Trấn Trần Hầu Kỳ 1 (Gửi Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Nam Sơn Thượng Kỳ 1)

- 20- Ký Sơn Nam Thượng Trấn Hiệp Trấn Trần Hầu Kỳ 2 (Gửi Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 2)
- 21- Họa Sơn Phủ Chi Tác (Họa Lại Thơ Mai Sơn Phủ)
- 22- Tồn Phong Đắc Mộng Chí Dữ Ngã Khán Nhân Nhật Ngâm, Tịnh Ký
- 23- Họa Tồn Phong Nguyên Vận (Họa Nguyên Vận Thơ Ông Tồn Phong)
- 24- Hoàng Giang Ngộ Hữu Hỉ Phú (Mừng Gặp Bạn Ở Sông Hoàng)
- 25- Thệ Viết Hữu Cảm (Có Cảm Xúc Thì Viết Lời Thề)
- 26- Tự Thán Kỳ 1 (Tự Than Thân Kỳ 1)
- 27- Tự Thán Kỳ 2 (Tự Than Thân Kỳ 2)
- 28- Lưu Biệt Thời Tại An Quảng, An Hưng Ngự Thứ (Ghi Lại Sau Khi Chia Tay Tại An Quảng, An Hưng)
- 29- Bạch Đằng Giang Tặng Biệt (Tặng Bạn Khi Chia Tay Ở Sông Bạch Đằng)
- 30- Chí Hiên Tặng Kỳ 1
- 31- Chí Hiên Tặng Kỳ 2
- 32- Họa Thanh Liên Nguyên Vận (Họa Vận Thơ Thanh Liên)
- 33- Nhân Tặng
- 34- Tưởng Đáo Nhân Tình Minh Nhiên Há Lệ Nhân Nhi Tẩu Bút Phụng Trình
- 35- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 1 (Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 1)
- 36- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 2 (Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 2)
- 37- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 3 (Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 3)
- 38- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 4 (Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 4)
- 39- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 5 (Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 5)

- 40- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 6
(Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 6)
41- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 7
(Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 7)
42- Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Họa Kỳ 8
(Xướng Họa Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 8)
43- Xuân Hương Tặng Hiệp Quận

Tập Lưu Hương Ký

*Thuật Ý Kiềm Trình Hữu Nhân Mai Sơn Phủ (Kể Ý Mình Và Trình Bạn Là
Mai Sơn Phủ, Hồ Xuân Hương)*

Hoa phiêu phiêu,
Mộc tiêu tiêu,
Ngã mộng hương tình các tịch liêu,
Khả cảm thị xuân tiêu.

Lộc ao ao,
Nhạn ngao ngao,
Hoan thảo tương kỳ tại nhất triều,
Bất tận ngã tâm miêu.

Giang bát bát,
Thủy hoạt hoạt,
Ngã tứ quân hoài tương kế khoát,
Lệ ngân chiêm hạ cát.

Thi tiết tiết,
Tâm thiết thiết,
Nông đạm thôn tình tu lưỡng đạt,
Dã bằng quân bút phát.

Phong ngang ngang,
 Nguyệt mang mang,
 Phong nguyệt linh không khách đoạn tràng,
 Hà xứ thị Đằng Vương?
 Vân thương thương,
 Thuỷ ương ương,
 Vân thuỷ na kham vọng nhất trường,
 Nhất trường dao vọng xúc hoài mang.

Nhật kỳ kỳ,
 Dạ trì trì,
 Nhật dạ thiên hoài lữ tứ bi,
 Tứ bi ưng mặc ngộ giai kỳ.

Phong phi phi,
 Vũ phi phi,
 Phong vũ tần thôi thái bút huy,
 Bút huy đô thị phó tình nhi.

Quân hữu tâm,
 Ngã hữu tâm,
 Mộng hồn tương luyện liễu hoa âm.
 Thi đông ngâm,
 Nguyệt đông châm.
 Nhất tự sâu phân ly,
 Hà nhân noãn bán khâm.
 Mặc đàn ly khúc oán tri âm,
 Trục tu khí trí thử dao cầm.
 Cao sơn lưu thuỷ viễn tương tâm,
 Ưng bất hận ngâm thán cổ cầm.

Quân hà kì,
 Ngã hà kì,

Lữ đình lai đắc lương thê trì.
 Đánh tần phi,
 Bút tần huy,
 Nhất trường đô bút thiết,
 Hà xứ thị tình nhi?
 Hảo tư tâm thượng các tương tri,
 Dĩ ưng giao thác thử duyên đề,
 Phương tâm thế bất phụ giai kỳ.
 Bài từ theo điệu Ức Giang Nam.

Bản dịch:

Hoa xiêu xiêu
 Cây xiêu xiêu
 Giấc mộng tình quê thấy tịch liêu
 Đêm xuân cảm khái nhiều.

Hương ao ao
 Nhạn ngao ngao
 Vui sướng hẹn nhau một sớm nào
 Tả hết được tình sao!

Sông bát ngát
 Nước ào ạt
 Ý thiếp lòng chàng cũng vu khoát
 Lệ rơi thêm mặn chát.

Thơ da diết
 Lòng thê thiết
 Đậm nhạt tác lòng ai thấu hết
 Liệu bút chàng tả xiết?

Mây lang thang
 Trăng mênh mang

Trăng gió xui ai luống đoạn tràng
Đâu là gác Đàng Vương?
Mây tơ vương
Nước như sương
Mây nước trôi đâu chỉ một đường
Một đường xa khuất rộn lòng thương

Ngày chậm rì
Đêm chậm rì
Sáng tối chạnh buồn lữ khách si
Nhớ thương đừng lỡ hẹn, sai kì.

Mưa trôi đi
Gió trôi đi
Mưa gió giục hoài cất bút thi (thơ)
Viết thi gửi tới khách “tình si”

Chàng có tâm
Thiếp có tâm
Mông hồn lưu luyến bóng hoa râm
Thơ cùng ngâm
Rượu cùng trăng
Tự lúc buồn chia biệt
Ai người ấm nửa chãng?
Chớ đàn lí khúc oán tri âm,
Đành xem như hết tiếng dao cằm
Hẹn nhau nơi non nước muộn mằn!
Chớ buồn mà than thở cổ câm (kim).

Chàng hẹn gì
Ta hẹn gì
Hai ta đều muộn, nói mà chi
Trà mà chi

Bút mà chi
Cũng là thiên lí cả
Ai là kẻ tình nhi
Hiếu nhau trong dạ khó khăn gì
Hãy nên trao gửi mối duyên đi
Lòng son ai nỡ phụ giai kì.
(Đào Thái Tôn)

Thiếu Niên Du Điệu (Bài Từ Theo Điệu Thiếu Niên Du, Hồ Xuân Hương)

Quỳnh diên toạ hoa,
Phi trường đôi nguyệt,
Phong lưu thuộc thùy gia?
Lý tử phi hào,
Tì phi viên bút,
Tứ nhĩ nhập thi ca.
Kim tịch thị như hà?
Xúc tịch đàm tâm.
Hồi đăng tự sự,
Phủ bút nhất kha kha.

Bản dịch:

Tiệc quỳnh nở hoa
Nâng ly chuốc nguyệt
Phong lưu nhà nào a
Ông Lý nét bay
Nàng Tì đưa bút
Thanh nhĩ vào thơ ca
Tôi nay thế nào giờ?
Trên chiếu trao niềm
Bên đèn kể nỗi

Vỗ bút cười ha ha
(Bùi Hạnh Cần)

Xuân Đình Lan Điệu (Bài Ca Theo Điệu Xuân Đình Lan, Hồ Xuân Hương)

Nguyệt tà nhân tĩnh thú lâu trung.
 Ngoạ thính đông long,
 Khởi thính đông long,
Dạ bán “Ai giang” hưởng bán không.
 Thanh dã tương đông,
 Khí dã tương đông,
Tương tư vô tận ngũ canh cùng.
 Tâm tại Vu Phong,
 Hồn tại Vu Phong,
 Ân ái thử tao phùng.
 Nhàn ý đông phong,
 Quyện ý đông phong,
Nhất viên hồng hạnh bích thanh thông.
 Phồn hoa tích dĩ không,
 Kim triều hựu kiến sổ chi hồng.
 Oanh nhi mặc đới xuân phong khứ,
Chỉ khùng đào yêu vô lực tiểu đông phong.
 Phong thanh nguyệt bạch,
Bả kì hương nhập khách ngâm trung.

Bản dịch:

Trăng tà người lặng tựa lâu không
 Nằm lắng chuông đông,
 Dậy lắng chuông đông,
Đêm lắng tiếng buồn vang mé sông
 Thanh dã tương đông,

Khí đã tương đông
 Thanh khí năm canh rộn rã lòng
 Tâm ở Vu Phong
 Hồn ở Vu Phong
 Ân ái cuộc tao phùng.
 Nhàn tựa gió đông
 Mỏi tựa gió đông
 Một vườn hồng hạnh biếc xanh song
 Phồn hoa tưởng đã không
 Sớm nay bông nở mấy nhành hồng
 Chim oanh chó quỳnh xuân đi nhé
 Ta sợ “Đào hoa vô lực tiểu đông phong”
 Trăng thanh gió mát
 Đem hương vào với các thi nhân.
 (Đào Thái Tôn)

Thu Dạ Hữu Hoài (Đêm Thu Cảm Hoài, Hồ Xuân Hương)

Dạ thâm nhân tĩnh độc trừ trừ,
 Vân lâu tiêu lãnh ngân hoàn bán.
 Thủy khoát phong trường ngọc lậu cô,
 Hoa nguyệt hoa nguyệt chủ nhân ngô.
 Xuân tịch tịch,
 Xuân hừng bất đa hồ.
 Nhận ảnh hà quy vân tự trụ,
 Cùng thanh như khốc thủy không lưu,
 Tuế án tu đồ.

Bản dịch 1:

Đêm sâu người lặng riêng ngân ngơ
 Lâu mây rượu lạnh nửa vòng bạc

Nước lãng gió dài giọt đông tro
 Hoa hoa trắng trắng người chủ là ta
 Xuân vắng vẻ
 Hứng xuân chẳng nhiều ư?
 Bóng nhận về đâu mây ở lại
 Dế giun như khóc nước trôi lơ
 Năm tàn nên lo
 (Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 2:

Đêm tàn người thức lòng ngo ngẩn,
 Rượu lạnh lâu mây bạc ánh tà.
 Nước chảy gió đùa tro mắt ngọc,
 Hoa hoa, nguyệt nguyệt nổi lòng ta.
 Xuân vắng vẻ,
 Xuân hứng chẳng nhiều ư?
 Bóng nhận về đâu mây ở lại,
 Dế trùng than khóc nước trôi hờ,
 Đêm tàn nên lo.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Thu Phong Ca (Bài Hát Gió Thu, Hồ Xuân Hương)

Thu phong khởi hễ bạch vân phi,
 Thảo mộc hoàng lạp hễ nhận nam quy.
 Lan hữu tú hễ cúc hữu phương,
 Hoài giai nhân hễ bất năng vương.
 Ngã hữu tửu hễ vô đôi ẩm,
 Ngã hữu cầm hễ vô tri âm.
 Bất chúc tửu hễ bất minh cầm,
 Số bôi thanh đính hễ cố nhân tâm.

Bản dịch:

Gió thu nổi chừ mây trắng bay
 Nhận về nam chừ vàng rơi cỏ cây
 Lan có đẹp chừ cúc có thơm
 Nhớ người đẹp chừ không sao quên
 Ta có rượu chừ không bạn uống
 Ta có đàn chừ không tri âm
 Không chuốc rượu chừ không đàn cầm
 Mấy chén chè trong chừ lòng cố nhân
 (Bùi Hạnh Cận)

Nguyệt Dạ Ca Kỳ 1 (Bài Hát Đêm Trăng Kỳ 1, Hồ Xuân Hương)

Lộ như châu hề nguyệt như sai,
 Thúc vãng lai hề chiếu dư hoài.
 Uyển cố nhân hề thiên nhai,
 Ái bất kiến hề tâm bồi hồi.
 Đài hoang Thần nữ miếu,
 Vân tán Sở vương đài.
 Minh nguyệt quang như hử,
 Ngã tứ chi nhân hề yên tại tai?

Dịch nghĩa:

Sương như hạt châu chừ, trăng như ngọc,
 Vụt qua lại chừ, soi chiếu lòng ta.
 Người xưa dịu dàng chừ phương trời,
 Yêu như không gặp chừ lòng bồi hồi.
 Rêu hoang miếu Thần Nữ,
 Mây tan đài Sở Vương.
 Ánh trăng sánh như vậy,
 Người mà ta nhớ chừ, ở nơi đâu?

Bản dịch 1:

Sương như châu chày trắng như mây,
 Cú lại qua chày soi lòng này.
 Hồn người xưa chày nơi chân trời,
 Nhớ không gặp chày lòng bồi hồi.
 Miếu Thần nữ rêu phủ,
 Đài Sở vương mây phai.
 Trắng trong sáng như thế,
 Người nơi đâu chày người ta thương ơi.
 (Cao Tự Thanh)

Bản dịch 2:

Móc như hạt châu chày trắng ngọc ngời
 Qua lại chày lòng ta soi
 Nhớ cố nhân chày chân trời
 Yêu không gặp chày lòng bồi hồi
 Rêu mờ miếu Thần nữ
 Mây tản bay Sở đài
 Trắng sáng ngời như thế
 Ở nơi đâu chày người ta mong nhớ ơi
 (Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 3:

Trắng ngà sương móc châu sa,
 Rập rờn qua lại lại qua ngời ngời.
 Cố nhân góc bể chân trời,
 Yêu nhau chẳng gặp ngậm ngùi lòng nhau.
 Miếng hoang thần nữ rêu rầu,
 Đài cao vua Sở một màu mây hoang.
 Bốn bề trắng sáng mênh mang,

Người ta mong nhớ giờ đang nơi nào.
(Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 4:

Trăng ngời, sương móc như châu
Soi hồn cô quạnh thêm sâu lòng ta
Cố nhân ở tận trời xa
Yêu nhau không gặp thiết tha ngậm ngùi
Sở Đài mây lạnh lòng trôi
Miếu hoang Thần Nữ ai người sửa sang
Tứ bề trăng giải mệnh mang
Nhớ thương nào biết gửi chàng nơi đâu.
(Trần Nhất Lang)

Bản dịch 5:

Sương như hạt châu chừ trăng như ngọc
Vụt qua lại chừ soi chiếu lòng ta
Người xưa dịu dàng chừ phương trời
Yêu không gặp chừ lòng bồi hồi
Rêu hoang miếu Thần Nữ
Mây tan đài Sở Vương
Ánh trăng sáng như vậy
Người mà ta nhớ chứ, ở nơi đâu?
(Chưa rõ)

Bản dịch 6:

Sương giọt ngọc, nguyệt ánh ngà
Du du rọi rọi hồn ta gieo sâu,
Người xưa duyên dáng nơi đâu
Xa xôi cách trở lòng rầu chẳng nguôi.
Miếu Thần Nữ – ngói rêu phơi
Đền đài Vương Sở – nền trời mây tan,

Đêm nay vắng vạc trăng vàng
Hỡi người trong mộng, biết nàng phương nao?
(Chưa rõ)

Nguyệt Dạ Ca Kỳ 2 (Bài Hát Đêm Trăng Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

Hoa kỳ tự hễ ba kỳ thi,
Hà vi thường hễ vân vi y.
Diệc ký cầu hễ ngã tâm tắc di,
Ngũ hạt ký hễ thê trì.
Sâu thái Tương thủy thính,
Muộn áp Thục sơn đề.
Nhật nguyệt vô ngân hễ,
Tình chi sở chung,
Bất tri kỳ kỳ.

Bản dịch 1:

Hoa là chữ chừ nhụy là thơ
Dáng làm xiêm chừ mây làm áo
Cũng là gặp nhau chừ, lòng ta thành thơi
Lời sao đà chừ chậm trễ
Nghe sâu trôi trên sông Tương
Nén nỗi buồn tới núi Thục
Tháng ngày không gốc rễ chừ
Nơi tình hội tụ
Biết hẹn khi nào ?
(Đào Thái Tôn)

Bản dịch 2:

Hoa làm chữ chừ nhụy làm thơ
Ráng làm xiêm chừ áo là mây

Cũng đã gặp nhau chừ lòng ta vui vầy
 Lời gửi chừ sao chậm chầy
 Sông Tương nghe buồn chảy
 Non Thục sầu nén đây
 Trôi trăng chừ không gốc chừ
 Chung đúc mối tình
 Biết bao giờ đây?
 (Bùi Hạnh Cần)

Ngư Ông Khúc Hành (Khúc Hát Về Ngư Ông, Hồ Xuân Hương)

Dã ông đạm bạc diệc phồn hoa,
 Thác nhận Đào Nguyên thị bệ la.
 Ký ngữ khinh chu tòng điếu từ,
 Quá giang ượng bất thính tỳ bà.
 Quá giang mặc thính tỳ bà,
 Cao thanh bất tự hồ già thê lương.
 Đào nguyên thủy khoát sơn trường,
 Ngư ông nhất trạo tiên đường bán khai.
 Vạn trùng xuân toả thiên thai,
 Cầm thanh lạc, giốc thanh ai bất đồng.
 Hàn sơn thảo sắc thông thông,
 Tô kê kỷ đảo thanh phong tự nhàn.

Bản dịch:

Già quê đạm bạc cũng phồn hoa
 Lầm tưởng đào non là dây hồ
 Nhấn nhủ người câu đò nhẹ lướt
 Qua sông đòng lẳng tiếng tỳ bà
 Qua sông đòng lẳng tỳ bà
 Tiếng cao không giống sáo Hồ thê lương

Nguồn đào trời nước mênh mang
 Nhà tiên hé mở, chèo buông đồ chài
 Muôn trùng xuân khoá Thiên Thai
 Tiếng ốc buồn, tiếng đàn vui chả cùng
 Cỏ bờ lợp, núi lạnh lòng
 Sông Tô hầu tới thung dung gió nhàn
 (Bùi Hạnh Cần)

**Cảm Cựu Kiêm Trình Càn Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu (Nhớ Chuyện Cũ Viết
 Gửi Càn Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu, Hồ Xuân Hương)**

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
 Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.
 Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
 Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.
 Xe ngựa trộm mềng duyên tấp nập,
 Phấn son càng tủi phận long đong.
 Biết còn mấy chút sương siu mấy,
 Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Sau đầu đề trên, tác giả có chú: “Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân” (Hầu người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân). Như vậy, ở đây Nguyễn Hầu đúng là Nguyễn Du tiên sinh. Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền ghi rõ mùa hè năm Kỷ Tỵ (1809), Nguyễn Du được bổ làm cai bạ Quảng Bình. Tháng 2 năm Quý Dậu (1813) ông được phong Càn chánh điện học sĩ, rồi được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc tể cống.

Hoài Cựu (Hồ Xuân Hương)

Chữ tình ngang ngựa biết bao nhiêu,
 Một chút duyên xưa dở lắm điều.
 Bèo lạt không kinh còn trở lại,

*Hoa trắng thêm tủi cái già theo.
Tài tình nợ ấy vay nên trả,
Phong cảnh vui đâu gửi đã nhiều.
Đưa đây biết tường tay đại tạo,
Cánh hoa trên nước thấm tin triều.*

Theo TS. Phạm Trọng Chánh, bài thơ này được Hồ Xuân Hương làm sau khi gặp Nguyễn Du làm Chánh Sứ năm 1813 tại Thạch Đình bên sông Vị Hoàng, nàng không gặp được mà chỉ nhìn Nguyễn Du từ xa vì quan trên trông xuống, người ta dòm vào. Sau cuộc gặp gỡ này Hồ Xuân Hương viết bài “Hoàng Giang ngộ hỷ phú” và bài này.

***Thu Nguyệt Hữu Ưc Mai Sơn Phủ Ký (Đêm Thu, Nhớ Mai Sơn Phủ, Gửi Bài
Này, Hồ Xuân Hương)***

*Lá ngọc chiều thu giận hằn du,
Tuần trăng sẽ nhớ bữa đêm thu.
Bên am Nhất Trụ trông còn đấy,
Ngọn nước Tam Kỳ chảy lại đâu.
Sơn phấn trộm mừng duyên để lại,
Bèo mây thêm tủi phận về sau.
Trăm năm biết có duyên thừa nữa,
Cũng đỏ tay tơ cũng trắng đầu.*

***Cảm Cự Tống Tân Xuân Chi Tác Kỳ 1 (Cảm Năm Cũ, Tiễn Xuân Mới Kỳ 1,
Hồ Xuân Hương)***

*Xuân này nào phải cái xuân xưa,
Có sớm ư? thời lại có trưa.
Cửa đông hoa còn thừa thốt bóng,
Buồng thoa oanh khéo dập dìu tơ*

*Phong lưu trước mắt bình hương ngүй,
Quang cảnh trong đời chiếc gỏi mơ.
Cân vàng nửa khắc xuân lơ lửng,
Phổ liễu trăm đường khách ngân ngơ.*

Cảm năm cũ, tiễn xuân mới.

Đề bài thơ hơi lạ. Người ta thường nói “Tổng cựu nghênh tân” (tiễn năm cũ, đón mừng năm mới), ở đây lại Tổng tân xuân. Vì thế ông Nguyễn Lộc đã dịch: Bài thơ làm cảm năm cũ, tiễn đưa năm mới. (NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Cảm Cựu Tổng Tân Xuân Chi Tác Kỳ 2 (Cảm Năm Cũ, Tiễn Xuân Mới Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

*Mới biết vị đời chua lẫn ngọt
Mà xem phép tạo nấng thì mưa.
Tri âm đắp nửa chẵn còn ngẩn,
Bức vách nghe xa tiếng đã thừa.
Nếm mía vụ này ngon những ngon,
Trông gương ngày nợ bằng như tờ.
Xưa nay còn có đâu hơn nữa,
Hay những từ đây, phải thế chưa?*

Ngự Ý Tồn Phong Ký Nhị Thủ Kỳ 1 (Ngự Ý Gửi Tồn Phong Thị Hai Bài Kỳ 1, Hồ Xuân Hương)

*Dồn bước may đâu khéo hẹn hò
Duyên chi hay bởi nợ chi ru?
Sương treo áo lục nhồi hơi xạ,
Gió lọt cành lê lướt mặt hồ.
Muốn chấp chỉ đào thêu trướng gấm,
Mà đem lá thắc thả sông Tô.*

*Trong trần mấy kẻ tinh con mắt,
Biết ngọc mà trao mới kể cho.*

Ngụ ý gửi Tồn Phong thị hai bài.

Chưa rõ Tồn Phong thị là ai, chỉ biết ông họ Phan, vì trong bài tựa có câu: “Phan Mĩ Anh người trong họ tôi” và đó là họ nội. Còn tên, theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn, có lẽ là Huân nghĩa là “Nam Phong” (gió Nam) cùng gọi là Tồn Phong. Nham Giác là tên hiệu Nham Giác phụ là “anh chàng ẩn ở núi nhưng hiểu sự đời”.

Hoạ Nhân (Hồ Xuân Hương)

*Vài hàng chữ gấm chạnh niềm châu,
Nghĩ tưởng năm canh nguyệt hé lâu.
Lá nhuộm thức lam thêm vẻ thẹn,
Sương pha khói biếc rợn thêm sâu.
Thẩn thơ trước viện, nhà khoe gió,
Đồng vọng bên tai, địch thét đầu,
Uớt hỏi trăng già khe khắc bấy,
Trêu nhau chi những sợi cơ cầu.*

Theo TS. Phạm Trọng Chánh, bài thơ này được Hồ Xuân Hương viết khi bị mẹ cậy người mai mối gả cho thầy lang xóm Tây làng Nghi Tàm. Nhân có người về Hà Tĩnh. Hồ Xuân Hương gửi bài thơ này. Cũng theo ông, thì bài “Ký mộng” của Nguyễn Du là để đáp lại bài thơ này.

Tặng Tồn Phong Tử (Tặng Tồn Phong Thị, Hồ Xuân Hương)

*Bướm ong mừng đã mấy phen nay,
Hồng nhan xin đưa ba chữ lại;
Dám đâu mưa gió giở bàn tay,
Những sự ba đào xeo tắc lưỡi,
Nam Bắc xa xa mấy dặm đây,*

Hải sơn ước để ngàn năm mãi,
 Bức tranh khôn vẽ tấm lòng ngay.
 Tơ nguyệt rày xe ba mối lại,
 Hỏi khách đa tình nhỏ có hay.
 Năm canh hồn bướm thêm bơ bãi.

Dưới đầu đề có ghi rõ “Hoạ vận tai hậu” (hoạ vần ở phía sau), nhưng không thấy bài hoạ. Bài thơ còn như dang dở. Thể thơ ít gặp. Có thể là một điệu ca trù nào đó.

Thạch Đình Tạng (Hồ Xuân Hương)

Đường nghĩa bấy nay trót vẽ vời,
 Nước non sâu nặng luống đi về.
 Cung Hoàng dịu vợi đường khôn lọt,
 Đường Nguyệt mơ màng giấc hỡi mê.
 Đã chắc hương đâu cho lửa bén,
 Lệ mà hoa lại quyến xuân đi.
 Xanh vàng chẳng phụ lòng ân ái,
 Tròn trặn gương tình cũng có khi.

Bài này trước ông Trần Thanh Mại và Đào Thái Tôn đều lầm tưởng của một người tên là Thạch Đình như Cư Đình, Thực Đình, người đương thời. Nhưng theo TS. Phạm Trọng Chánh, “Thạch Đình” có nghĩa là cái đình đá, nơi bến sông Vị Hoàng, Nam Định, vì đó là bến cảng lớn của ngày xưa, vì cạnh biển, mưa gió, bão táp nên đình được xây kiên cố bằng đá. Từ đây đi vào Nghệ Tĩnh, Phú Xuân tiện lợi nhanh chóng vì không leo núi đèo Tam Điệp hay truông nhà Hồ, phá Tam Giang. Làng Tiên Điền có Giang Đình là cái đình bên sông, một trong tám thắng cảnh Hồng Lĩnh. Hồ Xuân Hương tiền Nguyễn Du năm 1794, tiền Mai Sơn Phủ năm 1801 và đón quan chánh sứ Nguyễn Du năm 1813 nơi này.

**Ký Sơn Nam Thượng Trấn Hiệp Trấn Trần Hầu Kỳ 1 (Gửi Ông Trần Hầu,
Quan Hiệp Trấn Nam Sơn Thượng Kỳ 1, Hồ Xuân Hương)**

Vác cầm đàn tao một ngọn cờ,
Ấy người thân đây phải hay chưa.
Lắc đây phong nguyệt lưng hồ rượu,
Dắt lỏng giang hồ nửa túi thơ.
Đình Nguyệt góp người chung đỉnh lại,
Trời Hoan mở mặt nước non xưa.
Bấy nay tài tử bao nhiêu tá,
Thèo đánh khen ai kẻ đặt cho.

Gửi ông Trần Hầu, quan Hiệp trấn Nam Sơn Thượng.

Trần Hầu chưa rõ là ai. Trấn Sơn Nam Thượng gồm đất của hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên sau này. Trị sở đặt ở Châu Cầu (Phủ Lý).

**Ký Sơn Nam Thượng Trấn Hiệp Trấn Trần Hầu Kỳ 2 (Gửi Ông Trần Hầu,
Quan Hiệp Trấn Nam Sơn Thượng Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)**

Trận bút xông pha quyết giết cờ,
Tài tình ai đã biết cho chưa.
Giấc Vu man mác năm canh nguyệt,
Duyênh Ngự lệnh đên một lá thơ.
Tơ liễu đã khoe tài lạ trước,
Nguồn dào học hỏi lỗi quen xưa,
Giai nhân tài tử đường nào đấy
Hay nợ bình sinh chữa giả cho.

Dưới đầu đề, Lưu hương kí chép liền hai bài này, không để ai xướng, ai hoạ. Ông Trần Thanh Mại cho rằng bài thứ 2 này là bài hoạ lại của Trần Hầu.

Hoạ Sơn Phủ Chi Tác (Hoạ Lại Thơ Mai Sơn Phủ, Hồ Xuân Hương)

Này đoạn chung tình biết mấy nhau,
 Tiến đưa ba bước cũng nên câu.
 Trên tay khép mở tanh chiêu nhận,
 Trước mặt đi về gấp bóng câu.
 Nước mắt trên hoa là lỗi cũ.
 Mùi hương trong nệm cả đêm thâu.
 Vắng nhau mới biết tình nhau lắm,
 Này đoạn chung tình biết mấy nhau.

Mai Sơn Phủ chưa rõ là ai.

Tổn Phong Đắc Mộng Chí Dữ Ngã Khán Nhân Thuật Ngâm, Tĩnh Ký (Hồ Xuân Hương)

Nhớ ai mà biết nói cùng ai
 Rằng chữ đồng ta quyết một hai.
 Hoa liễu vui đâu mình dễ khéo,
 Non sông dành giả nợ còn dài.
 Chén tình đâu nhẫn lâu mà nhạt
 Giải ước nguyện âu thắm chẳng phai.
 Đây đoạ duyên trần thôi đã định,
 Xương giang duyên để ngắm tương lai.

Nghĩa tiêu đề: Tổn Phong thị nằm mộng, ghi lại mang cho xem, nhân đó làm bài thơ thuật chuyện và gửi.

Ngự Ý Tổn Phong Ký Nhị Thủ Kỳ 2 (Ngự Ý Gửi Tổn Phong Thị Hai Bài Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

Đường hoa dẫu đặt bước đông phong,
 Nghĩ kẻ tìm thơm cũng có công.

Lạ mặt dám quen cùng gió nước,
 Nặng lòng nên nhẹ đến non sông.
 Da trời nắng nhuộm tươi màu biếc,
 Phòng gấm trắng in dãi thức hồng.
 Ai nhớ lấy cho lòng ấy nhỉ,
 Trước năm trăm hẵn nợ chi không?

Hoạ Tồn Phong Nguyên Vận (Hoạ Nguyên Vân Thơ Ông Tồn Phong, Hồ Xuân Hương)

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liêu,
 Nhưng chắc trăm năm há bấy nhiêu.
 Nghĩ lại huống đau cho phận bạc,
 Nói ra thêm nhẹ với thân bèo.
 Chén thề thừa nợ tay còn dính,
 Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo.
 Được lúa tài tình cho xứng đáng,
 Nghìn non muôn nước cũng tìm theo.

Hoàng Giang Ngộ Hữu Hỉ Phú (Mừng Gặp Bạn Ở Sông Hoàng, Hồ Xuân Hương)

Nhà xuân từ được bén hơi xuân,
 Nửa khắc vàng xem trọng mấy cân.
 Trót hẹn nhớ cho đành một kiếp,
 Nặng nề quên cả đến trăm thân.
 Cạn dòng Tô thủy còn duyên nợ,
 Đầy giọt Hoàng giang nhừng ái ân.
 Nông nhật mặc dù đâu nhẽ dám,
 Tất son này vẫn thắm mùi phân.

Thệ Viết Hữu Cầm (Có Cảm Xúc Thì Viết Lời Thề, Hồ Xuân Hương)

Mười mấy năm trời một chữ tình,
 Duyên tơ này đã sẵn đâu đành.
 Mái mây cắt nửa nguyên phu phát,
 Giọt máu đây hai chén tử sinh.
 Một kiếp đã thề cùng dạ thắm,
 Trăm năm đừng phụ với đầu xanh.
 Mai sau lòng chẳng như lời nữa,
 Dao búa nguyên xin luy đến mình.

Tự Thán Kỳ 1 (Tự Than Thân Kỳ 1, Hồ Xuân Hương)

Con bóng đi về chốc bấy nay,
 Chữ duyên nào đã chắc trong tay.
 Nghĩ cùng thế sự lòng như đốt,
 Trông suốt nhân tình dạ muốn say.
 Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn,
 Một đời riêng mấy kiếp chua cay.
 Nỗi mình nỗi bạn đường bao nả,
 Dám hỏi han đâu những có này.

Tự than thân.

Tự Thán Kỳ 2 (Tự Than Thân Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

Lần thân đi về mấy độ nay,
 Vì đâu đeo đẳng với nơi vầy.
 Ấm trà tiêu khát còn nghe giọng,
 Chén rượu mừng xuân dạ thấy say.
 Điểm lữ trông chừng mây đậm nhạt,
 Dòng thu xem cỡ nước vui đây.

*Thương ai hãn lại thương lòng lắ,
Này nợ này duyên những thế này.*

***Lưu Biệt Thời Tại An Quảng, An Hưng Ngụ Thứ (Ghi Lại Sau Khi Chia Tay
Tại An Quảng, An Hưng, Hồ Xuân Hương)***

*Người về người ở khéo buồn sao,
Tức tôi mình thay biết lẽ nào.
Tơ tóc lời kia còn nữa hết,
Đá vàng lòng nợ xiết là bao.
Nổi cơn riêng giận ngày giời ngẩn,
Mỗi mắt chờ xem bóng nguyệt cao.
Sớm biết lẽ giời lý có hợp,
Thì mười năm trước bạn chi nao.*

***Bạch Đằng Giang Tặng Biệt (Tặng Bạn Khi Chia Tay Ở Sông Bạch Đằng,
Hồ Xuân Hương)***

*Khấp khểnh đường mây bước lại dừng,
Là duyên là nợ phải hay chằng.
Vịn hoa khéo kéo lay cành gấm,
Vực nước xem mà động bóng giăng.
Lòng nợ chó rằng mây nhạt nhạt,
Lời kia này đã núi giăng giăng.
Vớ nhau tình nghĩa sao là trọn,
Chó thói lưng voi cỡ nước Đằng.*

Chí Hiên Tặng Kỳ 1 (Hồ Xuân Hương)

*Chữ giao nguyên với mấy năm tròn,
Xe nón tình kia mãi mãi còn.*

Chẳng biết dạ người đen tựa mực,
 Sao hay lòng khách thắm như son.
 Còn tai chưa vãng lời vàng ngọc,
 Có mắt càng xem mặt nước non.
 Chớ trách chúa xuân lòng mỗi mệ,
 Mặn đào được thể tiếng công môn?

Theo TS. Phạm Trọng Chánh, Chí Hiên là một bút hiệu khác của Nguyễn Du sử dụng từ năm 1786 đến 1796, do sự kiện sau khi nhà Trịnh sụp đổ Nguyễn Du chạy sang Vân Nam cùng với Nguyễn Đại Lang tức Cai Gia và Nguyễn Sĩ Hữu tức Nguyễn Quýnh vì Nguyễn Khả làm thượng thư bộ Lại kiêm cả binh quyền Thái Nguyên, Hưng Yên, Sơn Tây (Hưng Yên do con rể Nguyễn Huy Tụ làm trấn thủ cùng hai em Nguyễn Trứ và Nguyễn Nghi; Sơn Tây do Nguyễn Điều làm trấn thủ, Nguyễn Nể phụ tá). Tại Thái Nguyên, Nguyễn Du nắm giữ đội quân hùng hậu nhất: Chánh thủ hiệu quân hùng hậu hiệu Nguyễn Quýnh, chức trấn tả đội với sự cố vấn quân sự của Cai Gia, một tay giặc già Trung Quốc phản Thanh phục Minh, sang đầu quân dưới trướng Nguyễn Khả, Nguyễn Du có kết nghĩa sinh tử với Cai Gia nên gọi là anh cả. Trong thơ chữ Hán (Thanh Hiên thi tập), ông cho biết ông ở vùng núi có tuyết, dân cư trưởng giả ăn mặc theo nhà Hán, và không theo lịch nhà Tân. Đến Vân Nam ông bị bệnh ba tháng nên chia tay cùng Nguyễn Đại Lang hẹn gặp lại ba năm sau ở Hàng Châu, chia tay với Nguyễn Sĩ Hữu trở về làm chủ Hồng Lĩnh khởi nghĩa chống Tây Sơn. Hết bệnh Nguyễn Du không đến Nam Ninh với vua Lê Chiêu Thống mà đi chu du lên Trường An, và xuống Hàng Châu (Nguyễn Du có các bài thơ làm năm 1787-1790 như “Dương Quý phi cố lý”, “Bùi Tấn công mộ”, “Phân kinh thạch đài” và 5 bài thơ bên miếu Nhạc Phi không nằm trên đường đi sứ năm 1813), không tiền nhưng muốn theo gương Lý Bạch, tuổi trẻ đi chu du khắp Trung Quốc.

Nguyễn Du đã trở thành một nhà sư đội mũ vàng, đi giang hồ trong 3 năm (thơ Nguyễn Hành có nhắc chuyện này) bằng cách tụng kinh Kim Cương làm công quả tại các chùa trên đường đi để kiếm ăn (bài “Phân kinh thạch đài”). Hành trang bên mình Nguyễn Du là quyển “Kinh Kim Cương chú giải” của Lê Quý Đôn, một quyển sách yêu chuộng của giới trí thức Bắc Hà thời bấy giờ. Nguyễn Du xưng danh hiệu là Chí Hiên. Chí lấy từ danh Chí Thiện thiên sư, chương môn danh tiếng phái Thiếu Lâm thời vua Càn Long trở thành đề tài nhiều bộ sách, và Hiên của gia đình, cha là Nghị Hiên, anh là Quế Hiên. Đến Hàng Châu điểm hẹn với

Nguyễn Đại Lang là miếu Nhạc Phi, nơi đây Nguyễn Du dừng khá lâu nên làm 5 bài thơ về Nhạc Phi, Tần Cối và Vương Thị và ở gần đó, ngôi chùa Hồ Pháo nơi Từ Hải từng tu hành, nơi đây Nguyễn Du tiếp xúc với “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm tài nhân đang bán và nổi tiếng tại Hàng Châu, và từ đó trở thành quyển sách bên mình Nguyễn Du. Sau đó nhờ Cai Gia chu cấp Nguyễn Du đi xe song mã lên Yên Kinh và trở về đến Hoàng Châu (Hà Bắc) thì gặp Đoàn Nguyễn Tuấn và anh Nguyễn Nể trong sứ đoàn Tây Sơn. Đoàn Nguyễn Tuấn có hai bài thơ bàn luận sôi nổi với văn nhân họ Nguyễn tại Hoàng Châu, và viết bài về Hồng nhan đa truân trên đường đi sứ (Hải Ông thi tập). Sau đó Nguyễn Du trở về Long Châu, Nam Đài chờ đợi và về Thăng Long mùa xuân năm 1790 cùng sứ đoàn của anh. (Xem Phạm Trọng Chánh, “Nguyễn Du, mười năm gió bụi”, Khuê Văn Paris xuất bản, 2011)

Hai bài thơ này được cho là của Nguyễn Du, viết năm 1796 sau khi Hồ Xuân Hương bị mẹ ép gả cho thầy lang xóm Tây làng Nghi Tàm. Nguyễn Du sau khi ra khỏi tù ở Hà Tĩnh, ban đêm trốn ra Thăng Long, viết. Do chưa được thống nhất về tác giả, bài thơ này vẫn tạm xếp vào mục thơ Hồ Xuân Hương.

Chí Hiên Tặng Kỳ 2 (Hồ Xuân Hương)

Rủi may nào sá nghĩ cùng thông,
 Chưa dễ tri âm tỏ nỗi lòng.
 Ra Bắc phen này mong nổi việc.
 Vào Nam ngẫm trước cũng hoài công.
 Bạn tao năm hết mâm trà lạt,
 Quán khách canh chày mảnh áo mong.
 Góm nhẽ trông ra mù khói bể,
 Nguyệt đường bao nả thấy gương trong.

Theo TS. Phạm Trọng Chánh, Chí Hiên là một bút hiệu khác của Nguyễn Du sử dụng từ năm 1786 đến 1896. Hai bài thơ này được cho là Nguyễn Du viết (xem thêm chi tiết ở bài thứ nhất). Do chưa được thống nhất về tác giả, bài thơ này vẫn tạm xếp vào mục thơ Hồ Xuân Hương.

Hoạ Thanh Liên Nguyên Vận (Hoạ Vân Thơ Thanh Liên, Hồ Xuân Hương)

Khúc Hoàng tay Nguyệt còn chờ dạy,
 Cánh phượng đường mây đã vội chi.
 Chưa xót lòng xem lời để lại,
 Hững hờ duyên bấy bước ra đi,
 Thử vàng đá nọ treo tăng giá,
 Phong gấm hoa kia nở có thì,
 Đào thắm mặn xanh còn thú lắm,
 Xuân ơi đành nỡ dứt ra về.

Bài thơ này hoạ vần bài “Thạch Đình tặng” (được cho là của Nguyễn Du) chép ở trước. Tuy nhiên Thanh Liên là bút hiệu thi hào Lý Bạch. Có thể nào có người lấy bút hiệu Lý Bạch làm bút hiệu mình chăng? Có thể ở đây là một lầm lẫn do chép nhầm từ Chí Hiên hay Thanh Hiên.

Nhân Tặng (Hồ Xuân Hương)

Nghiêm thửm hầu môn biết mấy trùng,
 May chẳng khôn lẽ dám pha xông.
 Mấy hàng chữ mực châu lai láng,
 Một mảnh tờ mây ý mộng mong.
 Buông thả luống e khơi ngọn nước.
 Gửi trao còn ngại mỗi vai hồng.
 Người tiên ví chẳng soi trần thế,
 Cậy có vầng xanh tỏ tấm lòng.

Theo TS. Phạm Trọng Chánh, bài thơ này được Hồ Xuân Hương viết khoảng năm 1795 lúc Nguyễn Du đã về Hồng Lĩnh, và Nguyễn Du đã đáp lại bài thơ này bằng bài “Ký hữu” trong “Thanh Hiên thi tập”.

***Tướng Đáo Nhân Tình Minh Nhiên Há Lệ Nhân Nhi Tẩu Bút Phụng Trình
(Hồ Xuân Hương)***

Ba sinh tự hẹn nghĩa non vàng,
 Man mác lòng riêng lại ngõ càng.
 Lỗi bước đèo mây đành chẳng đã,
 Mảnh nguyên hương lửa ngõ lên đường.
 Nước non lời nợ nào chuông chắn,
 Trăng gió lòng kia mãi chán chường.
 Đầy đoạ thân này thôi chẳng tiếc.
 Thương sao cho trọn tấm lòng thương.

Tiêu đề nghĩa là nghĩ tới tình đời sứt sùi rơi lệ, nhân đó cầm bút viết thư gửi trình.

Theo TS. Nguyễn Trọng Chánh, bài thơ này được Hồ Xuân Hương viết năm 1793 khi nghe tin Nguyễn Du sửa soạn về Hồng Lĩnh để xây dựng lại từ đường, nhiệm vụ do anh Nguyễn Nễ giao phó và trao tiền bạc, Nguyễn Nễ cũng về Phú Xuân nhận chức vụ mới Đông các học sĩ, thầy dạy bên cạnh vua Quang Toản. Bài thơ có chép chữ Tồn Phong tác bút có lẽ không đúng. Vì đối với Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương có thái độ rất kính cẩn: chờ dạy, phụng trình, kiêm trình. Đối với Tồn Phong thì nàng nghi ngờ: không biết là duyên hay nợ, Xuân Hương có cảm tình, nhưng nhìn với nửa con mắt.

***Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 1 (Xướng
Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 1, Hồ Xuân
Hương)***

E lệ đàn tao dám cất cờ.
 Phong tình chước ấy đã hay chưa.
 Đem lời vàng ngọc gieo nên tiếng,
 Sẻ nợ tang bồng giả với thơ,
 Gặp gỡ cũng là trong bốn bể,
 Phao tung kéo then trước nghìn xưa.

Sau này đâu có bao nhiêu nữa.
Dầu có bao nhiêu mặc bấy giờ.

Trấn Sơn Nam Thượng gồm đất của hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên sau này. Trị sở đặt ở Châu Cầu (Phủ Lý).

Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hữu Xướng Hoạ Kỳ 2 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hữu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

Thắc mắc sâu riêng khó gỡ ra,
Đêm tàn khêu mãi thấy thêm hoa.
Muốn về nhưng có về sao đến,
Biết nói song le nói được mà.
Sông bắc trông chừng chênh bóng thỏ,
Lâu nam nghe đã trống canh gà.
Trăm năm gặp gỡ là bao nả,
Thắc mắc sâu riêng khó gỡ ra.

Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hữu Xướng Hoạ Kỳ 3 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hữu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 3, Hồ Xuân Hương)

Thẹn không đủ sức khiến người kinh,
Gió bụi mười năm trải thác ghềnh.
Ngồi trước bàn thờ hay địch thủ,
Chọn tìm thi tứ lựa vần tình.
Bánh xe với đạn do hoàn cảnh,
Chim phượng hay oanh vốn đã sinh.
Con Tào với người không cầu thả,
Minh châu để tôi nữ ai đành.

Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 4 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 4, Hồ Xuân Hương)

Đàn tao từng mấy mặt treo cờ,
Thua được lân nhau phải thế chưa.
Tả hận phần son cùng chén rượu,
Ngưng duyên bèo lạc với dòng thơ.
Non cao bể rộng vâng lời cả,
Nước chảy hoa trôi vẫn ý xưa,
Còn nợ trần gian còn phải trả,
Dẫu bao giờ hết liệu bây giờ.

Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 5 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 5, Hồ Xuân Hương)

Hàn danh cứu ngưỡng hỉ tương phùng,
Cận tiếp quang nghi nhật chính đông.
Hậu ý thủy giao tri thủy đạm,
Tình hoài sơ ẩm giác thuần nùng.
Ngô châu thanh khí hoàn tương thượng,
Ngã bôi tài tình chính sở chung.
Ác thủ đàm tâm quân mạc quái,
Lục giang nhất khúc thủy thiên trùng.

Dịch nghĩa:

Bấy lâu ngưỡng mộ tiếng văn chương nay mừng được gặp mặt
Lại được tiếp cận dung nghi vào lúc hừng đông
Vốn sẵn nhã ý, nên dù trước chưa từng gặp nhau nhưng đã biết tính tình thanh
đạm
Vừa nhấp chén đã thấy cái tình nồng nàn, đôn hậu dâng lên

Thanh khí của cả vùng vẫn còn được ưa chuộng
 Tài, tình của chúng ta được chung đúc chính nơi đây
 Cầm tay thổ lộ nỗi lòng, xin chàng chớ ngại
 Vì sau khi chàng qua sông Lục Đầu, lại muôn trùng xa cách.

Bản dịch 1:

Nghe danh ngưỡng mộ, gặp vui mừng,
 Được tiếp dung nghi lúc chính đông.
 Ý hậu chưa qua hay nước đậm,
 Tình hoài vừa nhấp đã hương nồng.
 Tài tình chung đúc cho hai kẻ,
 Thanh khí mến yêu khắp một vùng.
 Tỏ dạ cầm tay xin chớ lạ,
 Lục Đầu một bước đã nghìn trùng.
 (Điệp Liên Hoa)

Bản dịch 2:

Lâu nghe danh tiếng gặp nhau mừng,
 Gần ngó dung quang nắng giữa đông.
 Ý đậm vừa quen hay nước đậm,
 Tình mong vừa chuốc biết men nồng.
 Châu ta thanh khí thêm ưa chuộng,
 Cùng hội tài tình nhẽ vốn chung.
 Tay nắm lòng trao người chớ lạ,
 Một đi sông Lục nước ngàn trùng.
 (Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 3:

Bấy lâu ngưỡng mộ nay tương phùng,
 Được tiếp dung nghi: nhật chính đông.
 Nhã ý biết nhau lòng đậm bạc,
 Chén tình vừa nhấp đã say nồng.

Châu ta thanh khí cùng tương đắc,
 Chung đúc tài tình một chữ đồng,
 Tay nắm nói đi, chàng chó ngại,
 Lục giang một biệt cách ngàn trùng.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Bài Xương Của Hiệp Trấn Quan Trần Hầu

Hoa viện hoa nhân thử độ phùng,
 Lĩnh mai hàn ảnh nhập sơ đông.
 Vị tăng đồ diện tâm tiên mộ,
 Khởi dẫn liên thi ý thủy nông.
 Xuân tịch vị ly song nhãn lệ,
 Phật đài thủy hoán sở thanh chung.
 Ân cần lưu thủ thiên biên nguyệt,
 Nhất biệt tây nham hựu vạn trùng.

Bản dịch:

Người đẹp nhà hoa lại gặp cùng,
 Mai non bóng lạnh buổi đầu đông.
 Chưa từng gặp mặt lòng đà mến,
 Há phải trao thơ ý mới nồng.
 Chưa khỏi tiếc xuân đôi mắt lệ,
 Ai khua đài Phật tiếng chuông rung.
 Ân cần lưu lại trăng trời biển,
 Một biệt non tây lại vạn trùng.
 (Bùi Hạnh Cần)

Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 6 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 6, Hồ Xuân Hương)

Bình thủy tương phùng nguyệt hạ tôn,
 Cương trường phiến phiến thuộc nan ngôn.
 Khiêu cầm hữu ý minh hoàng xướng,
 Nhiều thụ vô đoan ngữ thước huyên.
 Thủy thực già thanh quy Hán khuyết,
 Tự tu liên bộ xuất Hồ môn.
 Bán diên biệt hậu tình đa thiếu,
 Mạch mạch không ly Sảnh Nữ hồn.

Dịch nghĩa:

Thân bèo nước gặp nhau, nâng chén rượu dưới trăng,
 Tấc lòng son sắt thực là khó nói
 Gọi đàn, vì có ý mà gảy khúc Câu hoàng
 Quanh cây, không còn có gì mà chim thước réo vang
 Ai chuộc tiếng kèn Hồ trở về cung Hán
 Tự thẹn về việc gót sen ra khỏi cửa rọ Hồ
 Sau phút ly biệt, còn lưu luyến biết bao tình,
 Lóng lánh khôn rời hồn Sảnh Nữ.

Bản dịch 1:

Gặp nhau bèo nước rượu đầy trăng,
 Gan ruột bao niềm khó nói năng.
 So phím cầu hoàng lời có ý,
 Rộn cây chim khách chuyện lảng xãng.
 Tiếng kèn về Hán ai thành thuộc,
 Gót ngọc sang Hồ thẹn tấm thân.
 Nửa tiệc chia tay tình đậm nhạt,

*Hôn trinh gái Sảnh mãi giảng giảng.
(Bùi Hạnh Cần)*

Bản dịch 2:

*Gặp gỡ dưới trăng chuốc chén mời,
Lòng son đòi đoạ chẳng nên lời.
Khúc đàn ai gảy đà đưa ý,
Ngoài ngõ khách kêu chẳng thấy người.
Ai chuốc tiếng kèn về Hán đó ?
Tủi lê gót ngọc đất Hồ rồi!
Biệt li dở tiệc tình lưu luyến,
Hôn Sảnh sâu đau mạch mạch khơi.
(Trần Thanh Mai)*

Bài Hoạ Của Hiệp Trấn Quan Trần Hâu

*Tống biệt đăng tiền bả tửu tôn,
Sầu ti lữ lữ dục vô ngôn.
Thụ biên phong tế điều thanh cấp,
Liên ngoại nguyệt tà nhân ngữ huyên.
Lân ngã bất tài hư Bạch tuyết,
Hân quân hữu phận thác Chu môn.
Trùng phùng thử hậu tri hà nhật,
Thác đắc tình si nhạ mộng hồn.*

Bản dịch:

*Nâng chén bên đèn buổi tiễn chân,
Tơ sầu dằng dặc muốn im luôn.
Bên cây gió nhẹ chim kêu gấp,
Ngoài gai trăng tà khách chuyện ồn.
Tôi then không tài nhâm Tuyết Trắng,
Người vui có phận chốn thêm son.
Sau đây gặp lại bao giờ nhỉ,*

*Chi lạ tình si ngán mộng hồn.
(Bùi Hạnh Cần)*

*Dữ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 7 (Xướng
Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 7, Hồ Xuân
Hương)*

*Quý vô tài điệu sử nhân kinh,
Thập tải phong trần quán nhĩ linh.
Dĩ thị lâm bình tri địch thủ,
Mạc tu xao nguyệt khổ đàn tình.
Vi luân vi đạn tùy tao ngộ,
Thuyền phụng thuyền oanh nhiệm phú sinh.
Tạo vật ư nhân hà cầu tích,
Minh châu hữu hướng ám trung trình.*

Dịch nghĩa:

*Tôi thẹn vì không đủ tài điệu để người khiếp sợ.
Mười năm gió bụi đã quen rồi.
Đã là ngồi trước bàn cờ thì biết địch thủ,
Làm chi phải chọn ý tứ cho khổ sở vì thơ.
Là bánh xe hay đất đá là do hoàn cảnh,
Là phụng hay oanh vốn bẩm sinh.
Tạo vật đôi với con người không phú bẩm cầu thả,
Nếu đã là hạt trai sáng thì chớ đem vào bóng tối.*

Bản dịch 1:

*Thẹn không đủ sức khiến người kinh,
Gió bụi mười năm trải thác ghềnh.
Ngồi trước bàn cờ hay địch thủ,
Chọn tìm thi tứ lựa vần tình.*

Bánh xe với đạn do hoàn cảnh,
 Chim phượng hay oanh vốn đã sinh.
 Con Tào với người sao cầu thả,
 Minh châu để tối nữ ai đành.
 (Điệp Luyến Hoa)

Bản dịch 2:

Thẹn không tài diệu khiến người kinh,
 Gió bụi mười năm giọng nhạc rành.
 Đà nhẽ vào cò hay địch thủ,
 Chả cần gõ nguyệt khổ đàn tình.
 Làm xe làm đạn tùy phen gặp,
 Ai phượng ai oanh mặc bầm sinh.
 Con tào với người sao quá tiếc,
 Tối tăm đừng giờ ngọc châu lành.
 (Bùi Hạnh Căn)

Bản dịch 3:

Tài tôi thẹn kém khiến ai kinh,
 Lặn đạn mười năm tự dôi mình.
 Vào cuộc mới hay tay đôi thủ,
 Cần chi trau chuốt chữ cho tình.
 Là xe là đạn tùy tao ngộ,
 Tùy phượng tùy oanh vốn bầm sinh.
 Tào vật với người không cầu thả.
 Không mang ngọc sáng chốn u minh.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Bài Xướng Của Hiệp Trấn Quan Trần Hầu

Thổ phượng tài cao nhất thế kinh,
 Long thành hà hạnh thánh huyền linh.
 Mỗi tằm khắc học tài do chuyết,

Tự tiêu đồ long kỹ vị tình.
Khách địa giao du tùy xứ tại,
Khuê trang tài diện tự thiên sinh.
Tương phùng hưởng hựu tương đồng quận,
Lạo thảo ngư thư nhất đệ trình.

Bản dịch:

Nhả phượng tài cao khắp chốn kinh,
Nhạc reo mừng lắng giữa Long thành.
Thẹn khi vẽ nhận tài dang dở,
Cười nhẽ pha rỗng nghệ chứa tình.
Đất khách giao du đâu cũng thoả,
Khuê dung tào mạo tự trời sinh.
Gặp nhau hưởng lại cùng chung quận,
Lạo thảo tờ thư một gửi trình.
(Bùi Hạnh Cận)

Dũ Sơn Nam Thượng Hiệp Trấn Quan Trần Hầu Xướng Hoạ Kỳ 8 (Xướng Hoạ Cùng Ông Trần Hầu, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Kỳ 8, Hồ Xuân Hương)

Ma diệt thông minh giảm kiến linh,
Tái mao tâm khiêu thặng như đình.
Chỉ duyên tùy phận cấp bồn tẩu,
Vị đắc phóng hoài tề nhục vinh.
Đầu thượng tuyệt sương thần diệc quyện,
Vẫn dư tao phách vị phi hình.
Liên hương tình chủng si ư ngã,
Tiễn tận hàn đăng bất yếm canh.

Dịch nghĩa:

Cuộc sống mài diết sự thông minh, làm giảm hết những điều mắt thấy tai nghe
 Giác quan mờ tối chỉ còn tấm thân như lá cỏ
 Chỉ vì tùy phận nên phải long đong bôn tẩu
 Chưa có cái nhìn thoáng đạt để coi vinh nhục ngang nhau
 Trên đầu đã điểm sương, tinh thần cũng mỗi một
 Có ai bảo mùi vị cám bã dư thừa là thơm
 Thương giống tình quê say đắm hơn ta
 Khêu cạn ngọn đèn trong đêm lạnh còn thích ngâm vịnh.

Bản dịch 1:

Mài diết thông minh, giảm thấy nghe,
 Tâm can thân cốt cỏ bờ đê.
 Chỉ tùy theo phận mà bôn tẩu,
 Còn bận trong lòng chuyện ngại chê.
 Mỗi một tinh thần, sương điểm tóc,
 Thơm tho ai nhận cám thừa dư.
 Tình quê giống ấy ta còn kém,
 Ngâm vịnh đêm tàn vẫn cứ mê.
 (Điệp Luyện Hoa)

Bản dịch 2:

Ném hết thông minh bớt rõ ràng,
 Che tâm lấp ý cỏ lan nhanh.
 Chỉ đành theo phận đồn bôn tẩu,
 Chưa được yên lòng gạt nhục vinh.
 Mái tóc tuyết sương thân cũng mệt,
 Đầy nôi cám bã vị không kinh.
 Thương hương tình dại hơn ta nữa,
 Đèn lạnh khêu tàn chẳng ngán canh.
 (Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 3:

Trí giảm thông minh, mắt kém tinh.
 Thân như cây cỏ, mùi u minh.
 Nợ duyên tùy phận ngày rong ruổi,
 Sao thấy tâm xa nổi nhục vinh.
 Mái tóc điểm sương hồn mỗi mệ,
 Cắm thừa ai bảo vị thơm lành,
 Hồn quê say đắm tình ta nhĩ,
 Đêm lạnh đèn khuya dạ chẳng an.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Xuân Hương Tặng Hiệp Quận (Hồ Xuân Hương)

Hẹn thu hẹn nguyệt luống ăn năn,
 Cái kiếp phù sinh những nợ nần.
 Cửa viện xuân về hoa mát mẻ,
 Đài trang mây nấu nguyệt bắn khoăn.
 Duyênh xanh nước chảy tin lai láng,
 Lá thăm thơ gieo bút ngại ngần.
 Sơn phấn dấm đâu so ngọn bút,
 Mượn tay thi tướng nhắc đồng cân.

Bài này không thấy chép trong các bản “Lưu hương ký” hiện còn lại, nhưng tình điệu thuộc loại trong tập này, được phát hiện tại Thanh Hoá (Tập chí Văn học số 3-1974). Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã hiệu đính 3 chữ “mát mẻ” và “nấu” ở câu 3-4 từ các chữ “mỉm mỉm”, “tỏ” ở văn bản cũ.